

Bản án số: 79/2018/DS-PT
Ngày 12 – 7 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Hùng Nuôi.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Mã Quế Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2018, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 83/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 (*Có mặt*).

Cư trú tại: Đường P, khóm Q, phường R, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Tuấn N, sinh năm 1960; cư trú tại: Đường C, khóm D, phường Đ, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (*Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2017*). Ông N có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bạch Sỹ C, Luật sư của Văn phòng luật sư Bạch Sỹ C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (*Có mặt*).

- Bị đơn: Bà Trần Kiều T, sinh năm 1986 (*Có mặt*).

Cư trú tại: Đường G, khóm I, phường K, thị xã L, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đặng Hoàng V, sinh năm 1960 (*Vắng mặt*).
2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1961 (*Vắng mặt*).
3. Ông Đặng Hoàng P (*Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: ấp U, xã X, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị L: Ông Đặng Hoàng V, sinh năm 1960 (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2018).

- *Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2017 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và trong giai đoạn giải quyết vụ án, ông Võ Tuấn N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 26/4/2017 bà Nguyễn Thị H có cho bà Trần Kiều T vay 152.500.000 đồng để đáo hạn tiền vay ngân hàng cho ông Đặng Hoàng V, bà Trần Thị L và hứa vào ngày 27/4/2018 (*Sau khi vay được tiền*) sẽ thanh toán lại cho bà H. Khi vay tiền, bà Kiều T có viết biên nhận tiền cho bà H vào ngày 26/4/2017, bà L vợ ông V giao giấy chứng minh nhân dân của ông V, sổ hộ khẩu do ông V làm chủ hộ và hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông V và bà L đứng tên cho bà H để giữ làm tin. Đến ngày thanh toán, bà Kiều T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H mặc dù bà H nhiều lần yêu cầu bà Kiều T, ông V và bà L thanh toán đủ số tiền đã vay nhưng vẫn chưa được thanh toán.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bà Kiều T, ông V và bà L phải trả lại tiền vốn vay còn nợ là 152.500.000 đồng; tiền lãi suất vay từ ngày 27/4/2017 đến ngày xét xử với mức lãi suất 1,667%/tháng trên số tiền mà phía bị đơn Kiều T đã vay là 29.931.973 đồng; tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Trần Kiều T trình bày:*

Vào ngày 26/4/2017 bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị H với tổng số tiền là 152.500.000 đồng để thanh toán tiền vay tại ngân hàng Kiên Long cho ông Đặng Hoàng V và bà Trần Thị L. Trong quá trình vay tiền của bà H hai bên có làm biên nhận tiền và thỏa thuận với nhau về thời hạn thanh toán nhưng không thỏa thuận với nhau về lãi suất vay. Đồng thời, để tạo lòng tin cho nhau bà đã giao cho bà H bản chính giấy chứng minh nhân dân của ông V, sổ hộ khẩu do ông V làm chủ hộ và hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông V và bà L đứng tên cho bà H giữ làm tin.

Vì bà đã sử dụng số tiền nêu trên để trả nợ cho ông V và bà L tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long nhưng chưa được đáo hạn lại do đó bà không thể thanh toán theo yêu cầu của bà H được. Bà yêu cầu được cùng ông V, bà L trả dần số tiền vốn còn nợ và yêu cầu bà H giảm tiền lãi suất phát sinh cho đến nay.

Riêng đối với bản chính giấy chứng minh nhân dân của ông V, sổ hộ khẩu do ông V làm chủ hộ và hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông V và bà L đứng tên mà bà H đang giữ là của ông V và bà L, bà Tiên không có ý kiến.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng V trình bày:

Trước đây vợ chồng ông có thể chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng ông đứng tên để vay vốn tại Ngân hàng TMCP Kiên Long với số tiền 150.000.000 đồng giao cho vợ chồng Trần Kiều T và Đặng Hoàng P (Con dâu và con ruột) làm ăn. Khi đáo hạn, bà Kiều T đã thanh toán đủ tiền vay cho Ngân hàng và kêu ông đến tiếp tục làm thủ tục vay tiền nhưng ông không đồng ý. Đối với việc Kiều T vay tiền của bà H để trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP Kiên Long như thế nào thì ông không biết, ông khẳng định không có giao giấy chứng minh, sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H để bảo đảm cho việc bà Kiều T vay tiền của bà H. Việc bà H yêu cầu vợ chồng ông phải liên đới cùng thanh toán khoản tiền mà bà Kiều T đã vay của bà H, ông không đồng ý vì ông không phải là người vay tiền của bà H, đồng thời ông không có nhận tiền từ bà H.

Ông yêu cầu bà H trả lại giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD924025, CD924026 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/02/2016 do ông và bà L đứng tên.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông Đặng Hoàng V và yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD924025, CD924026 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/02/2016 do ông V và bà đứng tên. Không đồng ý liên đới cùng với bà Kiều T thanh toán nợ cho bà H với lý do bà không vay tiền của bà H.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS - ST ngày 13 tháng 4 năm 2018 đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 143, Điều 144, Điều 146, Điều 147, điểm d Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn Trần Kiều T.

Buộc bà Trần Kiều T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn vay là 152.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 14.656.944 đồng, tổng cộng là 167.156.944 đồng.

Bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Đặng Hoàng V và bà Trần Thị L bản chính giấy chứng minh nhân dân của ông Đặng Hoàng V; sổ hộ khẩu của ông Đặng Hoàng V; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 924025, số CD 924026 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/02/2016 do ông Đặng Hoàng V và bà Trần Thị L đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về lãi suất chậm thi hành án, về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/4/2018 bà Nguyễn Thị H kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc ông Đặng Hoàng V và bà Trần Thị L phải chịu trách nhiệm liên đới với bà Trần Kiều T đối với số tiền vốn và lãi vay tổng cộng là 167.156.944 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ. Bà được quyền nắm giữ bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD924025 và số CD924026 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/02/2016 cho ông Đặng Hoàng V và bà Trần Thị L cho đến khi ông V, bà L và bà Kiều T thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Tuấn Huân không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đồng thời, yêu cầu ông Đặng Hoàng P, ông V, bà L cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Kiều T trả tiền vay và tiền lãi cho bà H. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng việc bà Kiều T thực hiện vay tiền của bà H để trả nợ Ngân hàng do ông V và bà L đứng ra vay tiền là giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện, trừ một trong các trường hợp: Người được đại diện đã công nhận giao dịch; người được đại diện biết mà không phản đối trong một thời gian hợp lý... Như vậy, người được đại diện là ông V và bà L biết việc bà Kiều T vay tiền để trả nợ Ngân hàng thay cho ông bà mà không phản đối, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với khoản vay của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, buộc bà Kiều T, ông P, ông V, bà L cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền vốn và tiền lãi cho bà H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Tuy nhiên, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng P đồng ý trả số tiền vốn và lãi

theo yêu cầu của nguyên đơn, nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông P có nghĩa vụ liên đới với bà Kiều T trả tiền cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đưa ông Đặng Hoàng P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, ông P đồng ý tham gia từ giai đoạn phúc thẩm, không khiếu nại hay thắc mắc gì, nên HĐXX xác định việc đưa ông P vào tham gia tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Tuấn N tham gia phiên tòa; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L vắng mặt có ủy quyền cho ông Đặng Hoàng V, ông V vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do và ông Đặng Hoàng P vắng mặt, nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Hoàng V và bà Trần Thị L phải chịu trách nhiệm liên đới với bà Trần Kiều T đối với số tiền vốn và tiền lãi vay tổng cộng là 167.156.944 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ. HĐXX nhận thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa bà H với bà Kiều T là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể là hợp đồng vay tiền và có thỏa thuận lãi suất. Sau khi đến hạn thì bên vay phải có nghĩa vụ hoàn trả vốn và lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 466 và các bên không xác định rõ về lãi suất nên lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, cấp sơ thẩm xác định tổng số tiền vốn và lãi là 167.156.944 đồng và buộc bà Kiều T phải trả cho bà H số tiền này là có căn cứ. Tuy nhiên, việc thỏa thuận vay tiền giữa bà H với bà Kiều T không liên quan đến ông V và bà L, ông V và bà L không trực tiếp vay tiền của bà H và cũng không tham gia bảo lãnh cho khoản vay này, cho nên ông V và bà L không có nghĩa vụ liên đới với bà Kiều T để trả tiền vốn và lãi cho bà H như vừa nêu trên. Mặc dù, 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L trực tiếp nhận ra từ Ngân hàng TMCP Kiên Long, nhưng không có chứng cứ chứng minh 02 giấy chứng nhận này do bà L đưa cho bà H. Vì vậy, việc bà H kháng cáo yêu cầu buộc ông V và bà L có trách nhiệm liên đới với bà Kiều T trả cho bà số tiền vốn và tiền lãi tổng cộng 167.156.944 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H về việc được quyền nắm giữ bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD924025 và số CD924026 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/02/2016 cho ông Đặng Hoàng V và bà Trần Thị L cho đến khi ông V, bà L và bà Tiên thanh toán dứt nợ. Xét thấy, ông V, bà L và bà Kiều T không phải là một bên trong hợp đồng vay tài sản với bà H và ông V, bà L cũng không phải là người bảo lãnh, nên bà H không có quyền giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD924025 và số CD924026 của ông V và bà L. Mặt khác, 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên không phải là giấy tờ có giá như quy định tại khoản 8 Điều 6 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010, nên cũng không phải là tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bà Kiều T đối với bà H. Hơn nữa, ông V và bà L cũng không đồng ý giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà H, bà H không chứng minh được 02 giấy chứng nhận nêu trên là do ông V và bà L giao cho bà để bảo đảm trả nợ cho bà Kiều T, nên kháng cáo của bà H không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[6] Tuy bà H không có kháng cáo yêu cầu đưa ông Đặng Hoàng P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và yêu cầu nghĩa vụ liên đới, nhưng thấy rằng ông P là người trực tiếp điện thoại để hỏi vay tiền của bà H, cấp sơ thẩm không đưa ông P vào tham gia tố tụng để buộc ông P có nghĩa vụ liên đới với bà Kiều T là thiếu sót, nên cấp phúc thẩm đã đưa ông P vào tham gia tố tụng. Tại biên bản lấy khai ngày 22/6/2018 ông N, bà Kiều T cùng yêu cầu đưa ông P vào tham gia tố tụng và cùng liên đới với bà Kiều T trả tiền cho bà H và tại biên bản lấy khai ngày 28/6/2018 ông P đồng ý trả tiền vay và tiền lãi cho bà H, nên HĐXX ghi nhận ý kiến tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sửa án sơ thẩm theo hướng buộc ông P cùng liên đới với bà Kiều T trả tiền vốn và tiền lãi cho bà H.

[7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bà Kiều T, ông P, ông V, bà L cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền vốn và tiền lãi cho bà H, vì bà Kiều T là người không có quyền đại diện xác lập giao dịch dân sự. Thấy rằng, bà Kiều T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà Kiều T có quyền giao kết hợp đồng vay tiền đối với bà H, còn việc bà Kiều T đem tiền đã vay trả nợ Ngân hàng TMCP Kiên Long là quyền của bà Kiều T, bà Kiều T có quyền khởi kiện ông V, bà L khi có căn cứ theo quy định của pháp luật, không thuộc trường hợp “*Là người không có quyền đại diện xác lập giao dịch dân sự*”. Do đó, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[9] Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm cũng được điều chỉnh lại cho phù hợp và việc sửa án sơ thẩm không liên quan đến phần có kháng cáo, nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1

Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309, khoản 6 Điều 313 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 143, 144, 146, 147, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Trần Kiều T và ông Đặng Hoàng P cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn vay là 152.500.000 đồng và tiền lãi là 14.656.944 đồng, tổng cộng là 167.156.944 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu một trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trần Kiều T và ông Đặng Hoàng P còn phải trả lãi cho bà H theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền vốn chậm thi hành án.

Bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Đặng Hoàng V và bà Trần Thị L bản chính giấy chứng minh nhân dân của ông Đặng Hoàng V, sổ hộ khẩu của ông Đặng Hoàng V, 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 924025, số CD 924026 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/02/2016 do ông Đặng Hoàng V và bà Trần Thị L đứng tên.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Kiều T và ông Đặng Hoàng P phải chịu 8.357.847 đồng. Bà Nguyễn Thị H được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 4.175.000 đồng theo biên lai thu số 0009735 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án

phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000866 ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn